TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 9 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Âu Cần Đông

Bà Đặng Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Nghiên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kiều Thị N, sinh năm: 1984. Có mặt

Địa chỉ: Ấp 2, xã Long Tr, thị xã M, tỉnh HG

2. Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm: 1978. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 2, xã Long Tr, thị xã M, tỉnh HG

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng CSXH Việt Nam.

Địa chỉ: Số 169, phố L Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Nhựt Y – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Long Mỹ. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu vực B, phường Bình Th, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kiều Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001 chị Kiều Thị N và anh Lê Văn L tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Trị, huyện Long Mỹ (nay là thị xã Long Mỹ), tỉnh Hậu Giang vào ngày 07/9/2006.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị N và anh L đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị N và anh L có 02 con chung, tên Lê Thị Hồng Ng (giới tính nữ), sinh ngày 10/02/2002 và Lê Thị Thúy D (giới tính nữ), sinh ngày 06/6/2010. Cháu Ngọc đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, đối với cháu Duy hiện nay đang sống chung với chị N nên chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh L có nợ Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Long Mỹ số tiền 50.000.000 đồng. Chị N và anh L sẽ thỏa thuận việc trả nợ không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn Lê Văn L nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Nhựt Yến trình bày: Ngày 28/11/2019 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ (Ngân hàng) có cho ông Lê Văn L và người thừa kế là bà Kiều Thị N vay số tiền 20.000.000 đồng theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 18/11/2024. Đối với khoản vay này bà N và ông L trả tất, không còn nợ Ngân hàng.

Ngày 18/4/2021 Ngân hàng có cho ông Lê Văn L và người thừa kế là bà Kiều Thị N vay số tiền 30.000.000 đồng theo chương trình vay hộ nghèo, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 18/4/2026, đóng

lãi được số tiền 4.789.968 đồng. Ngày 18/5/2022 ông L và bà N tiếp tục vay bổ sung thêm chương trình vay hộ nghèo số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 18/5/2027, trả lãi được số tiền 1.764.825 đồng.

Từ ngày vay đến nay bà N và ông L có đóng lãi cho Ngân hàng và trả gốc được số tiền 20.000.000 đồng, gửi tiết kiệm cho Ngân hàng đầy đủ. Nay ông L và bà N ly hôn, Ngân hàng đồng ý để bà N tiếp tục trả số tiền còn nợ 50.000.000 đồng theo hợp đồng đã ký kết, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do bận công việc nên chị Yến yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Kiều Thị N. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị N được ly hôn với anh Lê Văn L. Về con chung: Chị Kiều Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Thúy D (giới tính nữ), sinh ngày 06/6/2010. Chị Kiều Thị N không yêu cầu anh Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đối với cháu Lê Thị Hồng Ng (giới tính nữ), sinh ngày 10/02/2002 đã trưởng thành nên không xem xét. Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Nhựt Yến không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn", căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê Văn L vắng mặt không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Nhựt Yến vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Dành quyền kháng cáo cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo luật định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị N và anh Lê Văn L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Trị, huyện Long Mỹ (nay là thị xã Long Mỹ), tỉnh Hậu Giang vào ngày 07/9/2006 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[3.2] Xét nguyên nhân yêu cầu ly hôn của chị Kiều Thị N: Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc nhưng dần về sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị N và anh L đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Tại phiên tòa chị N cương quyết yêu cầu ly hôn với anh L. Xét thấy, chị N và anh L có thời gian ly thân từ năm 2022 đến nay nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiến nói chung, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ đó cho thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa anh chị là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Kiều Thị N.

[3.3] Về con chung: Chị N và anh L có 02 con chung, tên Lê Thị Hồng Ng (giới tính nữ), sinh ngày 10/02/2002 và Lê Thị Thúy D (giới tính nữ), sinh ngày 06/6/2010. Cháu Ngọc đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với cháu Duy hiện nay đang sống chung với chị N nên chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, theo lời trình bày của chị N cũng như biên bản xác minh của chính quyền địa phương thì cháu Duy hiện nay đang sống chung với chị N. Tại bản tự khai ngày 22/8/2023 cháu Duy có nguyện vọng được sống chung với mẹ (chị N). Mặt khác anh L cũng không có ý kiến gì về việc chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Lê Thị Thúy D nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Thị Thúy D cho chị Kiều Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Kiều Thị N không yêu cầu anh Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Chị Kiều Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị N và anh L nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Nhựt Yến đồng ý cho chị N tiếp tục trả số nợ trên theo hợp đồng đã ký kết, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Kiều Thị N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kiều Thị N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị N được ly hôn với anh Lê Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số: 114, ngày 07/9/2006 do Ủy ban nhân dân xã Long Trị, huyện Long Mỹ (nay là thị xã Long Mỹ), tỉnh Hậu Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

3. Về con chung: Chị Kiều Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thúy D (giới tính nữ), sinh ngày 06/6/2010. Chị Kiều Thị N không yêu cầu anh Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với con chung Lê Thị Hồng Ng (giới tính nữ), sinh ngày 10/02/2002 đã trưởng thành nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Kiều Thị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Nhựt Yến không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Kiều Thị N phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo lai thu số 0004791, lập ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

7. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã Long Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Đình Tiến